

# MỘT CÁCH HIỂU VỀ TRIẾT HỌC GIÁO DỤC

• PGS.TS. DẶNG THÀNH HƯNG

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## 1. Sự kiện và vấn đề

### 1.1. *Triết lí hay triết học giáo dục?*

Trong lí luận và thực tiễn giáo dục đôi khi chúng ta bắt gặp những ý kiến trái ngược nhau quanh câu hỏi này. Một số người nói: chỉ có triết lí giáo dục, làm gì có triết học giáo dục; ý kiến khác – có cả hai thứ, tại sao không có triết học giáo dục nếu thừa nhận là có triết học của khoa học, triết học của nghệ thuật? Trước đây có thể trao đổi và ý rồi chuyện qua đi. Nhưng bây giờ tình hình không còn như vậy nữa, vì câu hỏi này là một thực tế (sự kiện), đặc biệt khi giáo dục đã có nền tảng học thuật của nó là khoa học giáo dục.

### 1.2. *Triết lí giáo dục là gì?*

Cũng là một thực tế, có từ ngàn xưa và còn đến hôm nay, còn mãi cùng với giáo dục. Và giáo dục là... cái còn lại với chúng ta khi tất cả đã qua đi. Ý tưởng ấy của một nhà tư tưởng Nhật Bản có phải là một triết lí giáo dục không? Nếu ai đó nói phải, ai đó nói không, thì không có nghĩa là thực tế vừa cổ vừa kim này sẽ biến mất. Bởi vì trong đời sống giáo dục hàng ngày, từ người dân thường, các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ, các giới xã hội cho đến các nhà lãnh đạo đất nước vẫn tự hỏi mình như vậy, khác ở cách hỏi mà thôi.

### 1.3. *Triết lí nào đúng, triết lí nào không đúng với đất nước, với thời đại, với tương lai?*

Mỗi người, mỗi nhóm đều tự thấy mình có triết lí sống của mình. Còn với giáo dục thì sao? Đó là một ngành kinh tế-xã hội, chứ không phải một kiếp người riêng lẻ. Vậy triết lí ra sao thì đúng, đúng đến đâu, đúng với ai, đúng đến bao giờ? Triết lí tốt có phải là thứ ai cũng tự đặt ra được không, nếu không phải do chính khoa học và thực tiễn của cả nền văn hóa sinh ra? Thực tế này cũng là điều khắc khoải trong tư duy của nhiều thế hệ người, và là một trong những động lực nhân văn của nhiều bước tiến lịch sử, kể cả cách mạng.

Lịch sử các nhà nước và phát triển giáo dục của loài người để lại nhiều bằng chứng cho thấy các vấn đề của giáo dục được giải quyết không chỉ bằng các cuốn sách giáo khoa, các công trình xây dựng, các bài giảng..., nhất là khi giáo dục đã trở thành hệ thống xã hội. Vào lúc hiện rõ nền văn minh loài người, hầu hết các cộng đồng đều biết rõ con người không chỉ sống bằng bánh

mì, đúng như triết lí cổ của người Nga. Khi đó giáo dục và dạy học là phương thức, hình thức phổ biến của sự phát triển con người và xã hội, được quyết định bằng những nguyên tắc triết học nhất định.

Tình hình ở các lĩnh vực kinh tế-xã hội khác cũng tương tự. Con người sử dụng các quy luật, các phương pháp của khoa học kinh tế để giải quyết những vấn đề cơ bản, quyết định của chính trị, của giáo dục v.v... chẳng hạn C. Mác đã làm như vậy, để bây giờ thế giới đưa kinh tế học vào giải quyết các vấn đề của phát triển, chẳng hạn các nước G-7, các tổ chức quốc tế lớn như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ thế giới, Tổ chức thương mại thế giới..., tạo nên những ngành khoa học như Kinh tế học chính trị, Kinh tế học giáo dục, Kinh tế học phát triển. Người ta cũng làm như vậy khi đưa các phương pháp của Xã hội học vào quản lí kinh tế, vào giáo dục, và những lĩnh vực khác. Vậy đưa triết học vào giáo dục thì thế nào? Đó là vấn đề còn tranh luận.

Triết học xâm nhập vào giáo dục ngay từ đầu, từ khi xuất hiện giáo dục dưới hình thức sơ khai là dạy học truyền tay, mặc dù các thầy giáo ngày ấy chưa ý thức được rõ ràng rằng triết lí dạy học của mình bắt nguồn từ hiểu biết triết học của người đương thời và từ kinh nghiệm sự phạm của chính mình. Triết lí của nhiều thế hệ nhà giáo và học giả xuất chúng lại trở thành nguồn bổ sung cho triết học của các thời đại. Thời sau chọn một hay một số yếu tố trong triết học của thời trước để làm triết lí của thời mình. Triết lí đó phát triển trong thực tiễn và làm phong phú cho triết học đời sau nó. Cứ như vậy giáo dục luôn thấm đẫm triết học, nhưng ít ai, trừ các học giả và các nhà chính trị, quan tâm đến điều này. Ngay cả những nhà giáo đang dạy học hàng ngày cũng tưởng mình không liên quan đến triết học, mặc dù số phận đạo đức, xã hội, chính trị, nghề nghiệp, gia đình ... của lớp người mà họ đang dạy dỗ đều là những vấn đề triết học.

## 2. Quan niệm

### 2.1. *Triết học giáo dục là một khoa học lí thuyết và nó khác triết lí giáo dục như thế nào?*

Triết học giáo dục tuy không phải là khoa học thực nghiệm, nhưng đó là loại khoa học lí thuyết dựa rất nhiều vào kinh nghiệm của các khoa học

và văn hóa, vào kinh nghiệm giáo dục thực tiễn. Tôi hiểu triết học giáo dục theo ý nghĩa và lợi ích khoa học, điều đó có thể không giống cách hiểu của các giới xã hội và nghề nghiệp khác.

*Triết học giáo dục (Philosophy of Education)* là ngành khoa học lí thuyết nghiên cứu cách áp dụng các nguyên tắc, phương pháp của triết học vào việc giải quyết các vấn đề bản chất, có tính chất quốc gia và thời đại của lí luận và thực tiễn giáo dục. Điều này hoàn toàn tương tự như việc sử dụng các phương pháp triết học để giải quyết các vấn đề chính trị và nhà nước (triết học chính trị), các vấn đề nghệ thuật (triết học nghệ thuật), các vấn đề của từng khoa học (triết học Toán, triết học Vật lí, triết học Tâm lí học, v.v...). Triết học giáo dục quan tâm trước hết các vấn đề có tầm cỡ của lí luận và thực tiễn giáo dục. Người ta không sử dụng triết học để trực tiếp giải quyết những vấn đề nghiệp vụ cụ thể đặc thù và chi tiết của giáo dục.

Khi đã tồn tại dưới hình thức là thành tựu nghiên cứu, thì triết học giáo dục chính là môn Giáo dục học lí thuyết, hay thường được gọi là những lí thuyết cơ bản về giáo dục, là nội dung đào tạo giáo viên và nhân sự khác trong giáo dục, tức là môn học. Điều này lí giải được tình trạng có nhiều khác biệt trong cách hiểu khái niệm triết học giáo dục. Nhiều quốc gia hiểu triết học giáo dục là Lí thuyết giáo dục (hay Giáo dục học lí thuyết) là vì họ nói về kết quả nghiên cứu của triết học giáo dục. Tôi hiểu rằng triết học giáo dục là khoa học, thành tựu của nó là các lí thuyết giáo dục nền tảng và có chức năng chung, tức là những giải pháp lí luận cho các vấn đề lớn của giáo dục.

Điều này rất hay xảy ra với mọi lĩnh vực khoa học khác, thí dụ Sư phạm học (Pedagogy), Tâm lí học (Psychology), Xã hội học (Sociology), Vật lí học (Physics), Sinh học (Biology) v.v... Khi nói về chúng như là các ngành khoa học, thì chức năng của chúng là nghiên cứu, đối tượng của chúng là những sự vật, hiện tượng khách quan chưa biết nào đó trong hiện thực, hoặc trong thế giới. Khi nói về chúng như các môn học ở các trường đại học, trường phổ thông (dưới dạng các giáo trình, sách giáo khoa) thì chúng có chức năng học liệu (chức năng giáo dục, huấn luyện) và là nội dung học tập của sinh viên, là đối tượng nghiên cứu của những người đọc muốn tìm hiểu chúng. Nội dung này thường được trình bày dưới hình thức các lí thuyết, nguyên tắc, quan điểm, phương pháp v.v..., chính là thành tựu do nghiên cứu đem lại và được tinh giản, hệ thống hóa trong môn học. Nội dung của các giáo trình triết học giáo dục tất nhiên là những tư tưởng, lí thuyết, quan điểm và nguyên tắc giáo

dục khái quát. Nhưng triết học giáo dục thì không phải là những thứ này, mà là một ngành khoa học để ra những thứ ấy.

Trên Bách khoa toàn thư Britannica 2002 công bố một số định nghĩa gần giống như thế về triết học giáo dục, nhưng chưa thật triệt để về mặt khoa học. Nó được coi là lĩnh vực tìm kiếm, xem xét và ứng dụng, trong đó các phương pháp triết học được áp dụng để nghiên cứu các vấn đề, chủ đề hoặc vụ việc trong giáo dục. Đặc trưng của những phương pháp này là hướng tới tư duy đúng đắn, sáng sủa, mạch lạc và hệ thống, bằng tư duy này làm sáng tỏ và chính xác hóa những tuyên bố và lập luận về giáo dục. Từ tài liệu của Britannica còn có nhiều ý kiến khác nhau về ranh giới giữa triết học giáo dục và lịch sử tư tưởng giáo dục, giữa triết học giáo dục và tiểu sử các triết gia giáo dục, giữa triết học giáo dục và các lí thuyết giáo dục cụ thể. Phạm vi trùng lặp giữa các lĩnh vực này có xu thế ngày càng thu hẹp theo quan niệm của nhiều người, vì vậy bộ mặt riêng của triết học giáo dục ngày nay đã rõ hơn, mặc dù nó vẫn kết hợp với nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác để đưa ra những giải pháp lí luận tổng quát cho các vấn đề lớn của giáo dục.

Triết lí giáo dục ngày nay là khái niệm chung chỉ những thành tựu nghiên cứu của triết học giáo dục được biểu hiện dưới dạng quan điểm, nguyên tắc và định hướng lí luận chung nhất về giáo dục. Khi thành tựu nghiên cứu của triết học giáo dục đã được thể hiện chi tiết thành các lí thuyết giáo dục cụ thể thì các lí thuyết này không còn được xem là triết lí nữa (thí dụ lí thuyết dạy học hợp tác, lí thuyết e-learning v.v...) mặc dù cái thần của mỗi lí thuyết như vậy vẫn là triết lí nhất định. Khi khoa học chưa phát triển thì triết lí giáo dục đã xuất hiện, và đó là thành tựu của tư duy, có thể là tư duy kinh nghiệm (tổng kết kinh nghiệm) và suy luận, mà chưa hẳn là thành tựu của triết học giáo dục.

Như vậy, triết học giáo dục là ngành hay lĩnh vực nghiên cứu khoa học, còn triết lí giáo dục là sản phẩm của tư duy triết học, hoặc của nghiên cứu triết học giáo dục. Triết lí giáo dục thường được thể hiện qua các quan điểm khái quát có tính nguyên tắc, luận đề hoặc bằng chính các nguyên tắc (thí dụ như triết lí về phát triển bền vững được thể hiện bằng các nguyên tắc phát triển bền vững), được rút ra từ kết quả nghiên cứu triết học hoặc từ tư duy của cá nhân, nhóm hay cộng đồng nào đó.

Triết học giáo dục, như mọi lĩnh vực khoa học khác, được con người sử dụng 2 lần vì mục đích xã hội của mình. Lần thứ nhất, chức năng nhận thức của nó được khai thác như công cụ nghiên cứu, khám phá bản chất và quy luật phổ



biến của giáo dục. Lần thứ hai, những gì đã khám phá được (các triết lý giáo dục) trong nghiên cứu triết học được dùng làm phương châm, nguyên tắc, định hướng lí luận để xúc tiến những thay đổi, phát triển lí luận cụ thể, thiết kế và tổ chức hệ thống cũng như quá trình giáo dục trong thực tiễn. Chính biện chứng này cho thấy rất rõ sự khác nhau giữa triết lí và triết học giáo dục.

**2.2. Triết học giáo dục nghiên cứu những hệ vấn đề nào? Hoặc các triết lí giáo dục thường hướng vào những lĩnh vực nào?**

Có hai hệ vấn đề lớn mà triết học giáo dục nghiên cứu lâu nay là chương trình, quá trình giáo dục và quan hệ của giáo dục với các định chế xã hội khác của quốc gia hoặc của thế giới loài người. Do đó các triết lí giáo dục cũng xoay quanh hai lĩnh vực chủ yếu này. Cũng có thể cho rằng ở hai lĩnh vực này chúng ta bắt gặp những vấn đề cơ bản của triết học giáo dục.

Hệ vấn đề thứ nhất mà triết học giáo dục nghiên cứu tương ứng với các triết lí về chương trình và quá trình giáo dục (Philosophy of the Curriculum). Nhà trường, các nhà giáo và các bậc cha mẹ thường là những người hay nghiên ngẫm hoặc nói lên những triết lí này hàng ngày. Có những triết lí cụ thể về bản chất chung của dạy học, về từng phạm trù hay thành phần của chương trình và quá trình giáo dục như:

- Về người học và học tập, thí dụ: người học là trung tâm của dạy học, người học là chủ thể học tập, trẻ em như tờ giấy trắng, người học là nhân tố quyết định thành tựu phát triển của chính họ, học là phát triển, học để biết, học để làm việc, học để sống cùng nhau, học để thành người, học là công cụ phát triển cá nhân, học một biết mười, học cách học, học từ cuộc sống v.v...

- Về tri thức và nội dung giáo dục nói chung, thí dụ: phân hóa dạy học, tích hợp dạy học, liên môn, xuyên môn, hàn lâm, hành dụng, định hướng giá trị, dạy chữ hay dạy người, dạy cách học, biết là mình không biết tức là biết, nhà trường là cuộc sống của trẻ v.v...

- Về phương thức dạy học, thí dụ: dạy và học tư duy phê phán, dạy và học tư duy sáng tạo, quan hệ thầy - trò là hợp tác và tham gia, tương tác và chia sẻ, học giải quyết vấn đề và dạy giải quyết vấn đề, học bằng trải nghiệm, học bằng làm việc, học bằng khám phá-tìm tòi, học tập dựa vào vấn đề, dạy con từ thuở còn thơ, học tập tự chỉ đạo, nước đổ lá khoai, lí luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội v.v...

- Về người dạy và nhà giáo, thí dụ: nhà giáo là mô phạm, giáo viên là nhà tư vấn và người tạo điều kiện cho người học hoạt động, thầy là trung tâm, một chữ là thầy nửa chữ vẫn là thầy, thầy

nào trò nấy, nhà giáo là bà đỡ cho tương lai của con trẻ, nghề nhà giáo là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý, gần mực thì đen - gần đèn thì rạng v.v...

- Về mục tiêu giáo dục, dạy học và học tập, thí dụ: con người phát triển toàn diện, mài sắc cá tính, phát triển cá nhân người học, hướng vào kinh nghiệm, lợi ích và nhu cầu của người học, vì sự phát triển tự do của người học, giáo dục vì sự phát triển bền vững, giáo dục tinh hoa, vì lợi ích mười năm trồng cây - vì lợi ích trăm năm trồng người, giáo dục tố chất người, giáo dục kĩ năng sống v.v...

Hệ vấn đề thứ hai của triết học giáo dục tương ứng với những triết lí về các quan hệ vĩ mô của giáo dục, tương tác giữa hệ thống giáo dục với các hệ thống xã hội khác trong phát triển giáo dục. Có thể gọi những triết lí này là kết quả nghiên cứu triết học về phát triển giáo dục (Philosophy of Educational Development). Chẳng hạn những triết lí về:

- Bản chất xã hội của giáo dục: giáo dục là hình thức phổ biến của sự phát triển (B.B. Đavýđov), giáo dục là lĩnh vực đầu tư phát triển (Ngân hàng Thế giới), giáo dục là quá trình xã hội hóa cá nhân dựa trên cơ chế lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội (L.X. Vygotsky), học tập là một kho báu tiềm ẩn (UNESCO), giáo dục là khơi dậy và sử dụng kinh nghiệm của người học một cách liên tục (J. Dewey) v.v...

- Giáo dục và phát triển người: đó là những triết lí về phát triển nguồn nhân lực, tài năng và nhân tài, giáo dục và di truyền trong phát triển cá nhân, về năng lực học tập và tiềm năng học tập của con người, về môi trường học tập, về các phạm trù hoạt động, hành vi, giá trị và lợi ích trong giáo dục và trong tiến trình phát triển cá nhân và loài, về quan hệ giữa phạm trù cá nhân và phạm trù xã hội v.v...

- Giáo dục và phát triển kinh tế: ở đây là hàng loạt những triết lí về vốn con người (Human Capital), lợi nhuận và đầu tư, lao động sư phạm như là sức sản xuất trên thị trường, về tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động xã hội, về dịch vụ và thị trường giáo dục, các quan hệ giữa giáo dục và nền kinh tế tri thức, giữa giáo dục và các thể chế sở hữu trong giáo dục (trường công, trường tư, lợi nhuận, phi lợi nhuận) v.v...

- Giáo dục và khoa học-công nghệ: chủ yếu bàn về ảnh hưởng của những thành tựu khoa học-kĩ thuật hiện đại trong phát triển giáo dục và các hình thức, phương pháp dạy học gắn với các phương tiện quản lí và hoạt động như chuẩn giáo dục, hệ thống thông tin quản lí EMIS, công nghệ multimedia, công nghệ viễn thông số hóa, học tập từ xa, học trực tuyến, e-learning, công nghệ

tri thức, quản lí tri thức... và nhất là những khía cạnh khác nhau của quá trình và mục tiêu hiện đại hóa giáo dục.

- Giáo dục và văn hóa: những vấn đề chủ yếu về quan hệ này là bản sắc dân tộc của nền văn hóa, giáo dục trong quốc gia đa văn hóa, vấn đề ngôn ngữ giáo dục và phát triển ngôn ngữ thứ hai, thứ ba, dạy ngoại ngữ cho dân cư, quốc ngữ và ngôn ngữ thứ nhất, tiếng mẹ đẻ, giáo dục giá trị, giáo dục giao tiếp và hiểu biết quốc tế, những vấn đề của tổ chức học tập và xã hội học tập, giáo dục và các nền văn hóa thiểu số v.v...

- Giáo dục và tính đồng nhất quốc gia (tính dân tộc): đó là triết lí về dân chủ, công bằng xã hội, các quan hệ đa sắc tộc, giáo dục cho các nhóm thiệt thòi và thiểu số, giáo dục cho mọi người, giáo dục trong quá trình toàn cầu hóa, giáo dục trong hội nhập quốc tế, giáo dục và hệ tư tưởng chính trị, đa nguyên, nhất nguyên trong giáo dục v.v...

### 2.3. Triết học giáo dục có những công cụ nào để nghiên cứu?

Từ bản chất, triết học giáo dục là lĩnh vực nghiên cứu lấy các phương pháp triết học để giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn của giáo dục. Vì vậy, công cụ chung trước hết của nó chính là các phương pháp triết học. Tuy vậy, các phương pháp này không hoàn toàn độc lập và tự thân, mà ít nhiều phụ thuộc hệ tư tưởng chính trị vì chúng giao thoa với giáo dục (còn giáo dục tự nó đã là định hướng, là thiết chế xã hội chủ quan của lực lượng chính trị cầm quyền). Do đó, hệ tư tưởng chính trị là công cụ chỉ đạo trong nghiên cứu triết học. Thí dụ, các nghiên cứu triết học giáo dục ở các nước tư bản luôn tuân theo hệ tư tưởng tư sản. Đối với chúng ta, công cụ chỉ đạo nghiên cứu triết học giáo dục là hệ tư tưởng Mác-Lê nin và Hồ Chí Minh, nói cách khác là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong chính trị.

Mỗi hệ thống triết học khác nhau sử dụng những phương pháp đặc thù của nó. Tuy nhiên, người ta thường chia chúng thành 2 nhóm theo lịch sử phát triển: các phương pháp truyền thống và các phương pháp không truyền thống. Trong truyền thống các phương pháp logic và hình thức chiếm vị trí quan trọng như suy luận, tư biện, quy nạp, siêu hình học v.v... Từ khi tiến bộ khoa học tự nhiên và khoa học thực nghiệm ảnh hưởng mạnh mẽ đến triết học thì chúng ta được chứng kiến sự xuất hiện các phương pháp thực chứng, các phương pháp nhận thức luận, các phương pháp di truyền văn hóa, các phương pháp biện chứng luận, các phương pháp hữu cơ luận, các phương pháp hoàn cảnh luận, các phương pháp

cơ giới luận cũng như các phương pháp dự báo xã hội hiện đại. Chúng được triết học giáo dục sử dụng để nghiên cứu giáo dục ở những mức độ khác nhau tùy theo định hướng chính trị của mỗi quốc gia.

### 3. Kết luận

3.1. Triết học giáo dục vừa có định hướng chính trị, vừa là lĩnh vực áp dụng các phương pháp của nhiều hệ thống triết học khác nhau để nghiên cứu giáo dục và giải quyết các vấn đề giáo dục.

3.2. Triết lí giáo dục được lựa chọn ngày nay cần phải là thành tựu tiêu biểu của nghiên cứu triết học, mặc dù chúng có thể có tiền đề lịch sử là tư tưởng giáo dục và các quan điểm kinh nghiệm chủ nghĩa.

3.3. Triết học giáo dục hiện đại không còn mang tính tư biện và lí thuyết lãng mạn, mà thực sự là công cụ giải quyết vấn đề giáo dục từ tận gốc rễ nảy sinh của nó, ở tầm quốc gia và thời đại, với tầm nhìn xa vào tương lai, do nhà nước xác định và sử dụng trong thực tiễn quản lí xã hội và giáo dục.

3.4. Triết học giáo dục cần và có thể cung cấp những triết lí đáng tin cậy để hỗ trợ việc hoạch định chính sách, lập kế hoạch chiến lược, thiết kế cải cách giáo dục của đất nước và phát triển chương trình giáo dục hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Châu (2005). *Những vấn đề lí luận về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Britannica (2002). "Philosophy of Education" Article.
3. Gerald L. Gutex (2004). *Historical and Philosophical Foundations of Education*. 3-th Edition, Loyola University, Chicago. Merrill Prentice Hall. Ohio, USA.
4. Swami Krishnananda (1992). *The Philosophy of Life*. Swami Krishnananda, India
5. Đặng Thành Hưng (1994). *Các lí thuyết và mô hình dạy học hướng vào người học ở Phương Tây*. Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
6. Jon Wiles, Joseph Bondi (2005). *Xây dựng chương trình học: hướng dẫn thực hành*. XB lần 6. NXB Giáo dục, Hà Nội. Người dịch: Nguyễn Kim Dung.

### SUMMARY

*The article presents facts and issues, conceptions related to philosophy of education, areas that philosophy of education studies and research instruments of philosophy of education.*